

Số: /QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty cổ phần CNT Group thuê đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Đồng Dong, xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên (đợt 1)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 19/6/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2384/QĐ-UBND ngày 20/12/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên ;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 2539/GP-UBND ngày 10/8/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10642/TTr-SNNMT ngày 25/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty cổ phần CNT Group (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 4600346737 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 02/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17, ngày 10/8/2026*) thuê đất (đợt 1) với diện tích 214.857,8 m² tại xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể như sau:

1. Diện tích đất cho thuê:

- Diện tích khu vực khai thác: 163.298,1 m².
- Diện tích khu vực công trình phụ trợ: 51.559,7 m².

2. Mục đích sử dụng đất: Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS) để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Đồng Dong, xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Hình thức cho thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

4. Phương thức cho thuê đất: Không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

5. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 10/8/2056.

6. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ địa chính (trích lục - chỉnh lý) phục vụ công tác xin thuê đất đợt 1 Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ đá Đồng Dong, xã La Hiên, tỉnh Thái Nguyên, thuộc các tờ bản đồ số 2, 44 và 45 xã La Hiên tỷ lệ 1:1.000, do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập ngày 18/8/2026, được Sở Nông nghiệp và Môi trường xác nhận ngày 18/8/2026.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện:

- Xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho Công ty cổ phần CNT Group.

- Ký và trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Công ty cổ phần CNT Group theo quy định sau khi hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

- Chuyển thông tin địa chính, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai theo quy định.

2. Thuế tỉnh Thái Nguyên chủ trì thực hiện:

- Xác định tiền thuê đất, phí, lệ phí phải nộp (*nếu có*) theo quy định; hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện khoản được trừ tiền thuê đất (*nếu có*) theo quy định.

- Thông báo cho Công ty cổ phần CNT Group nộp tiền thuê đất, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*nếu có*) theo quy định; xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất theo quy định.

- Thu tiền thuê đất, phí, lệ phí phải nộp (*nếu có*) theo quy định.

3. UBND xã La Hiên có trách nhiệm đôn đốc Công ty cổ phần CNT Group thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai, khoáng sản, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường.

4. Công ty cổ phần CNT Group có trách nhiệm nộp tiền thuê đất, phí, lệ phí; thực hiện khoản được trừ vào tiền thuê đất (*nếu có*); sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới, diện tích, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật đất đai, khoáng sản, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Thuế tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch UBND xã La Hiên, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần CNT Group và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Thông tin tỉnh) chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, CNN&XD, MC.

MinhHồng/QĐ/28.8.2026

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Số tờ bản đồ địa chính	Diện tích (m ²)	Ghi chú
Tổng cộng (I+II)		214.857,8	
I	Khu vực khai thác khoáng sản	163.298,1	
1	2	141.388,8	
2	44	8.332,9	
3	45	13.576,4	
II	Khu vực công trình phụ trợ	51.559,7	
1	44	5.085,5	
2	45	46.474,2	